

Bảng tóm tắt LVTN

Ngành: Nông nghiệp công nghệ cao

Khóa 46 - năm 2024

Phạm Thị Cẩm Hồng, 2024. Luận văn này với đề tài là “**Bước Đầu Chọn Lọc Cây Lai F1 Từ Tổ Hợp Lai Nếp Tím Thơm/Nếp Cẩm**”. Luận văn tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Nông Nghiệp Công Nghệ Cao, Khoa Khoa học Đất, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Cán bộ hướng dẫn PGS.TS. Huỳnh Kỳ.

TÓM TẮT

Ngày nay, nhu cầu của người tiêu dùng về lúa gạo ngày càng cao, không chỉ gạo có chất lượng, gạo dẻo, mềm cơm mà còn có lợi ích về sức khỏe. Vì vậy công tác nghiên cứu lai tạo và chọn giống lúa màu để phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng và điều kiện canh tác ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đóng vai trò quan trọng. Từ đó, đề tài “**Bước Đầu Chọn Lọc Cây Lai F1 Từ Tổ Hợp Lai Nếp Tím Thơm/Nếp Cẩm**” được thực hiện tại nhà lưới và phòng thí nghiệm của Khoa Di Truyền và Chọn giống Cây trồng, Trường Nông Nghiệp. Nghiên cứu ứng dụng đánh giá hàm lượng anthocyanin và kết hợp đánh giá đặc điểm hình thái nông học của 2 giống bố mẹ, Nếp Tím Thơm (mẹ), Nếp Cẩm (bố). Kết quả ghi nhận hàm lượng anthocyanin của giống Nếp Tím Thơm là 30,19 mg Cy3-glc/g, giống Nếp Cẩm là 373,59 mg Cy3-glc/g, cho thấy hàm lượng anthocyanin ở giống Nếp Cẩm cao hơn gấp 10 lần so với giống Nếp Tím Thơm. Vì vậy cần đưa nguồn gen Nếp Cẩm vào Nếp Tím Thơm để cải thiện hàm lượng anthocyanin trong giống Nếp Tím Thơm. Bên cạnh đó, để nhận diện cây F1 lai thành công đã ứng dụng chỉ thị SSR nhận diện được 30/33 cá thể mang kiểu gen dị hợp vừa mang gen cây bố vừa mang gen cây mẹ. Ứng dụng chỉ thị phân tử nhận diện cây lai F1 trong nghiên cứu này đã nhận diện được 30/33 cá thể F1 dị hợp. Từ 30 cá thể F1 chọn được 12 cá thể (TNN70-4, TNN70-5, TNN70-14, TNN70-16, TNN70-25, TNN70-27, TNN70-28, TNN70-29, TNN70-30, TNN70-31, TNN70-32, TNN70-33) có đặc tính nông học ưu tú và vượt trội hơn so với 2 giống bố mẹ bao gồm: TGST 97 ngày, chiều cao cây dao động từ 142,1-164,8 cm, chiều dài bông dao động từ 26-30,2 cm, số bông/bụi dao động từ 4-14 bông, tổng số hạt/bông dao động từ 177-280 hạt, số hạt chắc/bông dao động từ 67-137 hạt, tỷ lệ hạt chắc dao động từ 36,81-57,94%, khối lượng gram/bụi dao động từ 5,0-26,24 gram.

Từ khóa: cây lai F1, Nếp Tím Thơm, Nếp Cẩm, SSR, hàm lượng anthocyanin.

1. Tên đề tài: Chọn lọc các thể có đặc tính nông học tốt và mang gen kháng rầy ở thế hệ F_3 từ tổ hợp lai MTL 859/Kor Khor 57
2. Tên cán bộ hướng dẫn: PGS. TS. Huỳnh Kỳ
3. Tên sinh viên thực hiện: Huỳnh Hoàng Gia Mỹ
4. Nội dung tóm lược:

Huỳnh Hoàng Gia Mỹ, 2024. Luận văn này với đề tài là “**Chọn lọc các thể có đặc tính nông học tốt và mang gen kháng rầy ở thế hệ F_3 từ tổ hợp lai MTL 859/Kor Khor 57**”. Luận văn tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Nông nghiệp Công nghệ cao, khoa Khoa học Đất, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Cán bộ hướng dẫn PGS.TS. Huỳnh Kỳ.

TÓM TẮT

Hiện nay, tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp trên cây lúa. Đặc biệt là rầy nâu, lúa bị nhiễm rầy nâu làm giảm năng suất, chất lượng lúa và rất khó để kiểm soát. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu lúa gạo cho thị trường trong và ngoài nước, nâng cao chất lượng gạo và hạn chế ảnh hưởng xấu từ rầy nâu thì ứng dụng các chỉ thị phân tử SSR liên kết với các gen kháng rầy để chọn được các giống lúa kháng rầy đang nhận được quan tâm lớn. Từ các yếu tố trên, đề tài “Chọn lọc các thể có đặc tính nông học tốt và mang gen kháng rầy ở thế hệ F_3 từ tổ hợp lai MTL 859/Kor Khor 57” được thực hiện. Thí nghiệm được thực hiện ở 33 dòng của quần thể phân ly F_3 từ tổ hợp lai MTL 859/Kor Khor 57. Dựa vào các đặc điểm hình thái, đặc tính nông học và phân tích đặc điểm di truyền về gen (gen *Bph18*) cũng như ứng dụng dấu chỉ thị phân tử RM3331 cho ra kết quả có 9 dòng con lai mang gen kháng rầy nâu và 13 cá thể ưu tú có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm A1, có chiều cao cây từ 110 – 119 cm và có khối lượng 1000 hạt lớn hơn 25 g.

Từ khóa: *Bph18*, Kor Khor 57, rầy nâu, RM3331, SSR

Huỳnh Thị Trúc Hảo, 2024. “**Ảnh hưởng của nồng độ dung dịch dinh dưỡng đến sinh trưởng và năng suất su hào xanh (*Brassica Oleracea* var. *Gongylodes*) trồng thủy canh tĩnh trong nhà màng**”. Luận văn tốt nghiệp ngành Nông nghiệp công nghệ cao - Trường Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ. Cán bộ hướng dẫn: TS. Phan Ngọc Nhí. Số trang: 43.

TÓM TẮT

Đề tài “**Ảnh hưởng của nồng độ dung dịch dinh dưỡng đến sinh trưởng và năng suất su hào xanh (*Brassica Oleracea* var. *Gongylodes*) trồng thủy canh tĩnh trong nhà màng**” được thực hiện tại Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 2 năm 2024. Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định nồng độ dung dịch dinh dưỡng thích hợp cho sinh trưởng và năng suất của giống su hào xanh. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố gồm 4 nghiệm thức và 5 lần lặp lại. Bốn nghiệm thức là các nồng độ dung dịch dinh dưỡng thủy canh bao gồm: 900 ppm, 1.200 ppm, 1.500 ppm, 1.800 ppm. Thí nghiệm được bố trí trong điều kiện nhà màng và hệ thống thủy canh tĩnh trong thùng xốp được sử dụng để trồng su hào xanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nồng độ dung dịch dinh dưỡng thủy canh dùng trong thí nghiệm không ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của su hào xanh. Nhìn chung, các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất có sự khác biệt không ý nghĩa thống kê giữa các nồng độ dung dịch dinh dưỡng. Cụ thể, khối lượng củ ở 4 nồng độ dung dịch dinh dưỡng dao động từ 210 - 279 g điều này cho thấy nồng độ dung dịch dinh dưỡng không ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của su hào xanh. Qua kết quả thí nghiệm, có thể sử dụng nồng độ dung dịch dinh dưỡng 900 ppm cho su hào xanh trồng bằng phương pháp thủy canh tĩnh trong điều kiện nhà màng nhưng vẫn đảm bảo được năng suất và chất lượng.

Từ khóa: Su hào xanh, thủy canh, nồng độ dung dịch dinh dưỡng.

. ẢNH HƯỞNG CỦA DINH DƯỠNG BỔ SUNG QUA LÁ ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ NĂNG SUẤT CẢI BỆ XANH (*Brassica juncea* L.) TRỒNG THỦY CANH TĨNH TRONG NHÀ MÀNG

2. Ts. Phan Ngọc Nhí

3. Phạm Minh Khoa

4. Đề tài “Ảnh hưởng của dinh dưỡng bổ sung qua lá đến sinh trưởng và năng suất cải bẹ xanh (*Brassica juncea* L.) trồng thủy canh tĩnh trong nhà màng” thực hiện tại Trại Nghiên cứu và Thực nghiệm Nông nghiệp, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ, từ tháng 7/2023 đến 9/2023. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức, 4 lặp lại, mỗi lặp lại là 10 rọ thủy canh trồng 1 cây cải bẹ xanh trồng trong rọ. Bốn nghiệm thức gồm: phun phân cá, phun nyro, phun Amino Quelant-Fe và nghiệm thức đối chứng phun nước. Kết quả cho thấy, phun bổ sung các loại phân bón qua lá đã làm tăng chiều dài lá gấp 1,08 - 1,11 lần, chiều rộng lá gấp 1,10 - 1,12 lần so với nghiệm thức chỉ phun nước. Từ đó đã làm tăng năng suất gấp 1,19 - 1,21 lần và còn cải thiện được màu xanh của lá (chỉ số màu sắc lá b* thấp hơn so với bổ sung nước). Các dinh dưỡng bổ sung qua lá không làm thay đổi độ Brix, hàm lượng vitamin C và hàm lượng chất khô của cải bẹ xanh trồng thủy canh tĩnh.

Dương Hoàng Tân, 2023. “Đánh giá hiệu quả cải thiện một số đặc tính đất của giống đậu biển (*Vigna marina*), Đilen đien (*Sesbania sp.*), Cỏ Ubon (*Stylosanthes guianensis*) trồng xen canh trên đất vườn tại Huyện Cù Lao Dung, Tỉnh Sóc Trăng”. Luận văn tốt nghiệp đại học ngành Nông nghiệp công nghệ cao, khóa 45, Khoa Khoa học cây trồng, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa.

TÓM LƯỢC

Sự xâm nhập mặn được xem là rào cản, một hạn chế rất lớn đối với sản xuất nông nghiệp, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự sinh trưởng và phát triển và năng suất của cây trồng do tác động vào các đặc tính hóa, lý và sinh học đất theo chiều hướng xấu đi. Nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy việc trồng cây để cải tạo đất mặn dựa vào sự hấp thu của thực vật (phytoremediation) đã đem lại nhiều hiệu quả về mặt kinh tế và nông học. Đề tài được thực hiện nhằm mục đích đánh giá khả năng sinh trưởng của giống cây đậu biển (*Vigna marina*), đilen đien (*Sesbania sp.*) và cỏ Ubon, đồng thời đánh giá hiệu quả của chúng trong việc cải thiện một số đặc tính đất trên ba vườn cây ăn trái với 3 mức độ nhiễm mặn khác nhau gồm (1) không bị nhiễm mặn, (2) nhiễm mặn ở mức trung bình và (3) nhiễm mặn ở mức cao tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Ở mỗi vườn thí nghiệm trồng xen cây họ đậu được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với các nghiệm thức lần lượt là (1) Đối chứng (không trồng xen); (2) Trồng xen đậu biển *V.marina*; (3) Trồng xen đilen đien *Sesbania sp.* và (4) Trồng xen cỏ Ubon (*Stylosanthes guianensis*). Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng cây đậu biển (*Vigna marina*) sinh trưởng và phát triển tốt nhất trên nền đất vườn nhiễm mặn nặng tại huyện Cù Lao Dung. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu còn cho thấy việc trồng xen cây đậu biển (*Vigna marina*) trong đất vườn còn cải thiện nền đất mặn của vườn, thông qua một số chỉ tiêu như đạt số lượng nốt sần lớn nhất, gia tăng hàm lượng N_{ts} , P_{hd} , mật số vi khuẩn cố định đạm và tăng pH đất nhiễm mặn. Việc bổ sung chế phẩm vi sinh NPISi với lượng 20 kg/ha vào nghiệm thức trồng đậu biển cho thấy hiệu quả cao trong việc gia tăng sinh khối, cũng như là mật số vi sinh vật có lợi trong đất.

Từ khóa: *Vigna marina*, *Sesbania cannabina*, *Ubon stylo*

- 1) Tên đề tài: Tuyển Chọn Cây Lai F1 Từ Tổ Hợp Lai Lứt Tím 10/Lứt tím 2
- 2) Cán bộ hướng dẫn: PSG.TS.Huỳnh Kỳ
- 3) Sinh Viên Thực hiện: Chao Thị Nguyệt
- 4) Nội dung tóm lược: file word

TÓM TẮT

Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng lúa gạo ngày càng tăng, không chỉ gạo có chất lượng dẻo thơm mà còn vì sức khỏe và tiềm năng trở thành một loại thực phẩm chất năng. Vì vậy, công tác nghiên cứu các giống lúa thực phẩm chức năng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và điều kiện canh tác tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long đóng góp vai trò quan trọng. Từ đó, đề tài “Tuyển chọn cây lai F1 từ tổ hợp lai Lứt tím 10/Lứt tím 2” được thực hiện tại nhà lưới lúa Trường Nông Nghiệp. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp đánh giá hàm lượng chất lượng gạo và kết hợp đánh giá kiểu hình trên hai giống Lứt tím 10 (mẹ), Lứt tím 2 (bố). Kết quả ghi nhận giống Lứt tím 2 có hàm lượng Phenolic và Flavonoid cao hơn so với giống Lứt tím 10. Cụ thể, hàm lượng Phenolic của Lứt tím 2 là 142,38 (GAE/100g) trong khi Lứt tím 10 chỉ đạt 52,73 (GAE/100 g). Tương tự, hàm lượng Flavonoid của Lứt tím 2 là 1028,67 (GAE/100 g), cao hơn so với Lứt tím 10 với 328,67 (GAE/100 g). Vì vậy, cần đưa nguồn gene Lứt tím 2 vào Lứt tím 10 để cải thiện thành phần chất dinh dưỡng. Điều này sẽ tạo ra nguồn vật liệu phù hợp cho các nghiên cứu về thực phẩm chức năng sử dụng gạo màu. Ngoài ra, việc ứng dụng dấu chỉ thị phân tử đã nhận diện được 123/143 cá thể F1 dị hợp tử và ghi nhận các đặc tính nông học như thời gian sinh trưởng là 97 ngày, thuộc nhóm có chiều cao cây cao, chiều dài bông dao động từ 22-34 cm và tổng số hạt chắc dao động từ 37-83% chiếm khoảng từ 5-10 g năng suất hạt, kết quả này là bước đầu thành công trong quá trình lai tạo để chuẩn bị cho các bước tiếp theo.

Từ khóa: cây lai F1, Lứt tím 10, Lứt tím 2, hàm lượng Flavonoid và Phenolic

ĐỀ TÀI LUẬN VĂN:

KHẢO SÁT SINH TRƯỞNG VÀ NĂNG SUẤT 3 GIỐNG SU HÀO (*Brassica oleracea* var. *gongylodes*) TRỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦY CANH TĨNH TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ MÀNG Ở CẦN THƠ

Cán bộ hướng dẫn: TS. Phan Ngọc Nhí

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Phương Thanh

MSSV: B2016635

TÓM LƯỢC

Đề tài “**Khảo sát sinh trưởng và năng suất 3 giống su hào (*Brassica oleracea* var. *gongylodes*) trồng bằng phương pháp thủy canh tĩnh trong điều kiện nhà màng ở Cần Thơ**” được thực hiện tại khu nhà lưới Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ, từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 2 năm 2024, nhằm xác định giống su hào phù hợp trồng trong điều kiện nhà lưới ở Cần Thơ với phương pháp thủy canh tĩnh. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 1 nhân tố, 3 nghiệm thức và 6 lặp lại. Ba nghiệm thức là 3 giống su hào gồm: su hào xanh, su hào tím và su hào trắng. Kết quả ghi nhận được, về sinh trưởng, su hào xanh cho kết quả tốt hơn 2 giống còn lại với số lá, chiều dài lá và khối lượng rễ lần lượt là 27,5 lá, 28,8 cm và 30,2 g. Giống su hào trắng cho chỉ tiêu sinh trưởng kém nhất, với số lá là 27,1 cm, chiều dài lá là 25,4 cm và khối lượng rễ là 29,1 g. Về năng suất và khối lượng củ, giống su hào xanh cho năng suất và khối lượng củ (3,42 kg/1 m² và 427 g/củ) cao nhất, cao gấp khoảng 2 lần so với giống su hào tím (1,94 kg/1 m² và 242 g/củ), su hào trắng cho kết quả tương đương su hào xanh với năng suất (2,91 kg/1 m² và 364 g/củ). Về chất lượng, độ Brix và hàm lượng Vitamin C trong cả 3 giống su hào đều tương đương nhau, đối với hàm lượng chất khô củ thì su hào tím cho chỉ tiêu cao nhất (8,41%), thấp nhất là ở giống su hào trắng (5,88%).

Từ khóa: Su hào, giống, thủy canh tĩnh, sinh trưởng, năng suất.

TÓM TẮT

Đề tài được thực hiện tại Nhà màng công nghệ cao Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ 12/11/2022 đến 18/01/2023 nhằm mục tiêu tạo ra sản phẩm kiềng từ cây dưa hoàng kim ghép mướp với tạo hình trái vuông có thời gian trung bày lâu, góp phần làm đa dạng chủng loại hoa kiềng cho thị trường kiềng Việt Nam. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên hai nhân tố tổ hợp gồm 6 nghiệm thức với 4 lần lặp lại, mỗi lặp lại 10 cây. Nhân tố A là 3 giống dưa: (i) Dưa ML526, (ii) Kim Cô Nương, (iii) Kim Hồng Ngọc (đối chứng); nhân tố B gồm 2 biện pháp ép khuôn vuông: (i) Khuôn nhựa và (ii) Không ép khuôn. Kết quả thí nghiệm cho thấy, giống Kim Hồng Ngọc đạt tỷ lệ trái vuông loại 1 (70%) cao hơn so với ML526 và Kim Cô Nương; giống Kim Cô Nương đạt tỷ lệ trái vuông loại 2 (62,5%) cao nhất chiếm ưu thế hơn so Kim Hồng Ngọc và ML526; giống ML526 đạt tỷ lệ trái vuông loại 3 (40%) cao nhất chiếm ưu thế hơn so với Kim Cô Nương và Kim Hồng Ngọc. Tỷ lệ trái đạt hình vuông bao gồm loại 1 và loại 2, giống Kim Hồng Ngọc đạt (92,5%) cao nhất, kế đến là Kim Cô Nương (80%) và ML526 (60%). Giống Kim Hồng Ngọc được đánh giá rất đẹp (90%) cao hơn so với không ép khuôn (80%). Giống ML526 và Kim Cô Nương (dao động từ 15-40%) được đánh giá đẹp. Riêng giống ML526 ép khuôn khách thưởng ngoạn đánh giá không đẹp đạt (55%), không ép khuôn đạt (20%). Giống dưa Kim Hồng Ngọc để trái vuông làm kiềng tốt nhất, kế đến giống dưa Kim Cô Nương và dưa ML526. Chiều cây thành phẩm (cây và chậu) và đường kính tán cây <70 cm, rất thuận lợi cho việc thương mại (vận chuyển đi xa).

Từ khóa: Gốc mướp, dưa hoàng kim, khuôn vuông, làm kiềng.

TÓM TẮT

Đề tài được thực hiện tại Nhà màng công nghệ cao Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ 12/11/2022 đến 18/01/2023 nhằm mục tiêu tạo ra sản phẩm kiềng từ cây dưa hoàng kim ghép mướp với tạo hình trái vuông có thời gian trung bày lâu, góp phần làm đa dạng chủng loại hoa kiềng cho thị trường kiềng Việt Nam. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên hai nhân tố tổ hợp gồm 6 nghiệm thức với 4 lần lặp lại, mỗi lặp lại 10 cây. Nhân tố A là 3 giống dưa: (i) Dưa ML526, (ii) Kim Cô Nương, (iii) Kim Hồng Ngọc (đối chứng); nhân tố B gồm 2 biện pháp ép khuôn vuông: (i) Khuôn nhựa và (ii) Không ép khuôn. Kết quả thí nghiệm cho thấy, giống Kim Hồng Ngọc đạt tỷ lệ trái vuông loại 1 (70%) cao hơn so với ML526 và Kim Cô Nương; giống Kim Cô Nương đạt tỷ lệ trái vuông loại 2 (62,5%) cao nhất chiếm ưu thế hơn so Kim Hồng Ngọc và ML526; giống ML526 đạt tỷ lệ trái vuông loại 3 (40%) cao nhất chiếm ưu thế hơn so với Kim Cô Nương và Kim Hồng Ngọc. Tỷ lệ trái đạt hình vuông bao gồm loại 1 và loại 2, giống Kim Hồng Ngọc đạt (92,5%) cao nhất, kế đến là Kim Cô Nương (80%) và ML526 (60%). Giống Kim Hồng Ngọc được đánh giá rất đẹp (90%) cao hơn so với không ép khuôn (80%). Giống ML526 và Kim Cô Nương (dao động từ 15-40%) được đánh giá đẹp. Riêng giống ML526 ép khuôn khách thưởng ngoạn đánh giá không đẹp đạt (55%), không ép khuôn đạt (20%). Giống dưa Kim Hồng Ngọc để trái vuông làm kiềng tốt nhất, kế đến giống dưa Kim Cô Nương và dưa ML526. Chiều cây thành phẩm (cây và chậu) và đường kính tán cây <70 cm, rất thuận lợi cho việc thương mại (vận chuyển đi xa).

Từ khóa: Gốc mướp, dưa hoàng kim, khuôn vuông, làm kiềng.

TÓM TẮT THÔNG TIN LUẬN VĂN

Tên đề tài: Ảnh hưởng của chất điều hòa sinh trưởng và than hoạt tính đến sự nhân chồi và tạo rễ *in vitro* cây sen trắng (*Nelumbo lutea*)

Giảng viên hướng dẫn: TS Lê Hồng Giang

Sinh viên thực hiện: Lương Thị Ngọc Phú **MSSV:** B2016633

Tóm tắt luận văn:

Sở hữu nét đẹp thanh khiết và có tác dụng trong sức khỏe người sử dụng như chữa bệnh tim, hồi hộp, mất ngủ, di mộng tinh,... Đề tài “Ảnh hưởng của chất điều hòa sinh trưởng và than hoạt tính đến sự nhân chồi và tạo rễ *in vitro* cây sen trắng (*Nelumbo lutea*)” được thực hiện với mục đích xác định thành phần môi trường nuôi cấy thích hợp cho sự nhân chồi và tạo rễ *in vitro* cây sen trắng và bước đầu đánh giá sơ bộ khả năng sống sót của cây con ở điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được thực hiện tại phòng thí nghiệm nuôi cấy mô và tế bào thực vật, Khoa Sinh lí- Sinh hóa, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài thực hiện với 3 thí nghiệm tương ứng với 3 giai đoạn gồm nhân chồi trên môi trường MS có bổ sung BA 0-2 mg/L kết hợp NAA 0-0,5 mg/L, tạo rễ trên môi trường có bổ sung NAA 0-2 mg/L kết hợp than 0-2 g/L, thuần dưỡng với các loại giá thể là sinh non, đất hữu cơ và sinh non, đất hữu cơ (tỷ lệ 1:1). Kết quả cho thấy giai đoạn nhân chồi môi trường MS có bổ sung BA 1,0 mg/L có số chồi gia tăng cao nhất là 1,72 chồi ở thời điểm 4 tuần sau khi cấy, giai đoạn tạo rễ môi trường MS có bổ sung NAA 2 mg/L kết hợp than 2 g/L cho tỷ lệ tạo rễ tốt nhất là 100% và số rễ cao nhất là 9,56 rễ ở 4 tuần sau khi cấy. Giai đoạn thuần dưỡng với giá thể sinh non, cây con có tỷ lệ sống 100% và có chiều cao gia tăng tốt nhất là 0,98 cm sau 2 tuần thuần dưỡng. Nhìn chung, cây sinh trưởng và phát triển tốt sau 2 tuần thuần dưỡng

Tên đề tài: Khảo sát sinh trưởng và năng suất cải ngọt (*Brassica integrifolia* (West) O.E. Schulz) thủy canh trên bốn công thức dinh dưỡng.

2. Tên cán bộ hướng dẫn: TS. Lê Bảo Long

3. Tên sinh viên thực hiện: Phan Lê Vĩnh Khang

4. Nội dung tóm lược: Đề tài “Khảo sát sinh trưởng và năng suất cải ngọt (*Brassica integrifolia* (West.) O.E. Schulz) thủy canh trên bốn công thức dinh dưỡng” được thực hiện tại nhà lưới Khoa Sinh Lý - Sinh Hóa, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023 nhằm mục tiêu tìm ra công thức dinh dưỡng thích hợp cho sự sinh trưởng và chất lượng của cải ngọt thủy canh. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố, gồm có 4 nghiệm thức với 4 công thức dinh dưỡng khác nhau và mỗi nghiệm thức có 4 lần lặp lại (1 thùng/lặp lại). Các công thức dinh dưỡng được sử dụng trong thí nghiệm là Cooper (1979), Hoagland và Arnon (1950), Steiner (1984) và Hewitt (1966). Các chỉ tiêu theo dõi và phân tích gồm chiều cao cây, chiều dài lá, chiều rộng lá, số lá, hàm lượng chlorophyll, đường kính thân, khối lượng tươi, hàm lượng vitamin C, độ Brix lá, hàm lượng chất xơ thô, hàm lượng chất khoáng trong lá. Kết quả cho thấy trong bốn công thức dinh dưỡng thì công thức Cooper (1979) và Hoagland và Arnon (1950) sinh trưởng, năng suất tốt hơn so với công thức dinh dưỡng Hewitt (1966) và Steiner (1984).